

Số: **52** /2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20** tháng **12** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 53/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ hội họp trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân; Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-VPCP-BNV ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5595/TTr-SNV ngày 15 tháng 12 năm 2021 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 4730/STP-KTrVB ngày 09 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế

Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2021 - 2026”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2021 và thay thế Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nội vụ, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP; Đoàn ĐBQH TP;
- Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch Nước;
Văn phòng Chính phủ;
- UBMTTQ VN và các tổ chức chính trị - xã hội TP;
- Thường trực HĐND thành phố thuộc Thành phố;
Thường trực HĐND các huyện;
- VPUB: các PCVP;
Các phòng NCTH, TH (5b);
Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, (TH/TA) 21

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Văn Mãi



QUY CHẾ LÀM VIỆC
Của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
 nhiệm kỳ 2021 - 2026

*(Kèm theo Quyết định số 52 /2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân Thành phố).
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và các Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố (gọi chung là thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố), người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân Thành phố chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc theo chế độ kết hợp giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố với quyền hạn, trách nhiệm cá nhân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và từng thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố. Mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố, thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố phải bảo đảm tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng, quy định của Hiến pháp, pháp luật, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân Thành phố), của Nhân dân, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ.
2. Đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, phát huy trách nhiệm nêu gương. Trong phân công giải quyết công việc, mỗi việc chỉ giao cho một cơ quan, đơn vị, một người phụ trách và chịu trách nhiệm chính, xuyên suốt. Cấp trên không làm thay công việc của cấp dưới, tập thể không làm thay công việc của cá nhân và ngược lại. Người đứng đầu cơ quan được giao công việc phải chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả công việc được phân công.
3. Giải quyết công việc đúng phạm vi thẩm quyền và trách nhiệm được phân công, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác và Quy chế này.
4. Bảo đảm yêu cầu phối hợp công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và đề cao sự thống nhất trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. Giữ vững kỷ cương, kỷ luật hành chính.

5. Thực hiện phân công, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật, trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân Thành phố, phát huy tính chủ động, trách nhiệm, sáng tạo của các cơ quan chuyên môn, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, có cơ chế phù hợp để giám sát, kiểm tra và kiểm soát quyền lực.

6. Bảo đảm dân chủ, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động. Từng bước hiện đại hóa, thúc đẩy chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, thực hiện nền hành chính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, phục vụ Nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhân dân.

Điều 3. Hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố được bảo đảm bằng hiệu quả hoạt động của tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, từng Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố phải thực hiện đúng, đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của mình, phát huy tốt vai trò của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách, chỉ trình Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc những vấn đề có liên quan đến các thành viên khác, nhưng còn có ý kiến khác nhau, các vấn đề chưa được pháp luật quy định cụ thể, rõ ràng.

3. Mỗi thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ công tác của mình trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và cùng với các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố trước Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

4. Khi cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thể lập các Ban Chỉ đạo, Hội đồng đề tư vấn giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về một số lĩnh vực công tác trong một thời gian nhất định; sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Ban Chỉ đạo, Hội đồng sẽ tự giải thể.

Chương II

TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI GIẢI QUYẾT CÁC CÔNG VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 4. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nghị

định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương, góp phần bảo đảm sự chỉ đạo, quản lý thống nhất trong bộ máy hành chính Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận tập thể và quyết định theo đa số các vấn đề sau:

a) Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố; kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách (trong đó bao gồm dự toán ngân sách của 16 quận), quyết toán ngân sách hằng năm và quỹ dự trữ tài chính của Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định;

c) Kế hoạch đầu tư, xây dựng các dự án, công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách, có tính chất ngân sách trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định;

d) Cơ chế, chính sách huy động nhân lực, tài chính để giải quyết các vấn đề cấp bách của Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định;

đ) Các biện pháp thực hiện nghị quyết của Chính phủ, nghị quyết của Thành ủy, nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, thông qua báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi trình Hội đồng nhân dân Thành phố;

e) Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành;

g) Đề án thành lập mới, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và việc thành lập mới, nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn Thành phố;

h) Các vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

i) Các vấn đề mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét thấy cần thiết.

Điều 5. Cách thức giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Thảo luận và quyết định từng vấn đề tại phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố thường kỳ, chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

2. Đối với những vấn đề không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tập thể hoặc vấn đề do yêu cầu cấp bách, không có điều kiện tổ chức họp tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố thì theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố gửi toàn bộ hồ sơ, đề án và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố để xin ý kiến. Trong 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố phải có trách nhiệm phản hồi. Sau thời hạn trên, các thành viên chậm ý kiến sẽ được cơ quan lấy ý kiến ghi nhận là thống nhất với nội dung cần xin ý kiến.

3. Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phải được quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý thông qua. Khi biểu quyết tại phiên họp

cũng như khi dùng Phiếu lấy ý kiến, nếu số phiếu đồng ý và không đồng ý bằng nhau thì quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp lấy Phiếu lấy ý kiến mà có quá nửa tổng số thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố không đồng ý thì Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc đưa vấn đề ra phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố gần nhất để thảo luận, quyết định. Các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố được thảo luận dân chủ và có quyền bảo lưu ý kiến nhưng phải thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định những vấn đề đột xuất, cấp bách cần phải xử lý gấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc những vấn đề đã được Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất về nguyên tắc. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo tại phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố gần nhất về những vấn đề đã quyết định.

5. Căn cứ vào yêu cầu công tác, khả năng thực hiện và điều kiện, tình hình cụ thể, Ủy ban nhân dân Thành phố tăng cường phân cấp cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố thực hiện một cách liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân Thành phố có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể.

Điều 6. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Chịu trách nhiệm cá nhân về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 22, Điều 43, Điều 121 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 131/2020/QH14, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; cùng các thành viên của Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố trước Nhân dân Thành phố, trước Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật.

2. Chỉ giải quyết những công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; không xử lý những công việc đã phân công, ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; không quyết định thay những việc đã phân cấp, ủy quyền hoặc thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố theo quy định pháp luật.

3. Lãnh đạo toàn diện và điều hành công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố, các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố:

a) Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các công việc, vấn đề có tính chiến lược trên tất cả lĩnh vực công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố. Quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố, trừ những vấn đề quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

b) Quyết định áp dụng các biện pháp nhằm cải tiến lề lối làm việc; quản lý và điều hành bộ máy hành chính hoạt động có hiệu quả; ngăn ngừa, đấu tranh chống quan liêu, thiếu trách nhiệm, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong bộ máy cơ quan Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Quyết định tổ chức tiếp công dân, xem xét giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân theo quy định của pháp luật;

d) Trực tiếp chỉ đạo giải quyết hoặc giao Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực trên địa bàn Thành phố.

đ) Quyết định những vấn đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội đề nghị vượt thẩm quyền giải quyết của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, hoặc các vấn đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố, nhưng giữa các cơ quan đó còn có ý kiến khác nhau, trừ những vấn đề quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

e) Quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, nhưng do tầm quan trọng của vấn đề, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thấy cần phải trực tiếp chỉ đạo giải quyết dứt điểm trong một thời gian nhất định;

g) Triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Ủy nhiệm cho một Phó Chủ tịch chỉ đạo công việc của Ủy ban nhân dân Thành phố khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố vắng mặt. Khi một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố vắng mặt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp giải quyết hoặc phân công Phó Chủ tịch khác giải quyết công việc thay Phó Chủ tịch vắng mặt. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo kịp thời các nội dung ủy quyền và kết quả giải quyết công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố vắng mặt biết.

5. Trực tiếp giải quyết công việc trên cơ sở hồ sơ trình của cơ quan, đơn vị, được tổng hợp trong Phiếu trình của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố. Nội dung chỉ đạo, xử lý công việc thể hiện rõ quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý, ý kiến khác đối với kiến nghị, đề xuất của cơ quan trình. Trường hợp cần thiết cần phải xử lý gấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp cho ý kiến chỉ đạo giải quyết công việc trên hồ sơ trình; trên cơ sở đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý theo quy định.

6. Trực tiếp hoặc phân công, ủy quyền Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì họp, làm việc với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện thành phố thuộc Thành phố, cá nhân, tổ chức có liên quan để xem

xét, trước khi quyết định. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì họp, làm việc với người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện thành phố thuộc Thành phố, cá nhân, tổ chức có liên quan để tổng hợp, báo cáo trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

7. Quyết định phân công công tác cho các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

8. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

Phê chuẩn kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc Thành phố; điều động, đình chỉ công tác, cách chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc Thành phố; giao quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố trong trường hợp khuyết Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc Thành phố giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân huyện, thành phố thuộc Thành phố.

9. Giải quyết công việc thông qua các hình thức khác: đi công tác; kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật tại cơ sở; giải trình, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời kiến nghị của cử tri; họp báo và chỉ đạo xử lý thông tin báo chí; tiếp khách trong nước và nước ngoài; các cách thức khác theo quy định pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật liên quan. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện, mọi mặt trước pháp luật và trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời, cùng các thành viên của Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Nguyên tắc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết công việc:

a) Mỗi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công chỉ đạo điều hành, xử lý thường xuyên các công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong một số lĩnh vực công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố; theo dõi, chỉ đạo một số cơ quan, đơn vị, địa bàn thuộc Thành phố;

b) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được sử dụng quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khi giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trước pháp luật về những quyết định của mình;

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động giải quyết công việc được phân công; trong thực thi nhiệm vụ, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khác thì trực tiếp phối hợp với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đó để giải quyết. Trường hợp giữa các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố còn có ý kiến khác nhau thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đang chủ trì giải quyết công việc đó báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

3. Trong phạm vi công việc được phân công, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, các cơ chế, chính sách, đề án phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực hiện của địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả cao;

b) Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các nghị quyết của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố; quyết định, chỉ thị, chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc lĩnh vực mình phụ trách; phát hiện và đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung;

c) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp giải quyết công việc trên cơ sở hồ sơ trình của cơ quan, đơn vị, được tổng hợp trong Phiếu trình của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố. Nội dung chỉ đạo, xử lý công việc thể hiện rõ quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý, ý kiến khác đối với kiến nghị, đề xuất của cơ quan, đơn vị trình. Trường hợp cần thiết cần phải xử lý gấp, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp cho ý kiến chỉ đạo giải quyết công việc trên hồ sơ trình; trên cơ sở đó, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý theo quy định;

d) Nếu phát hiện các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành văn bản, thực hiện công việc trái với quy định pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định đình chỉ việc thi hành văn bản, việc làm sai trái đó; đồng thời đề ra các biện pháp xử lý kịp thời và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Giải quyết những vấn đề phát sinh hằng ngày thuộc phạm vi mình phụ trách. Theo dõi về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và chỉ đạo xử lý những vấn đề nội bộ trong các cơ quan thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách;

e) Chủ trì xử lý những vấn đề cần phối hợp liên ngành và xem xét, xử lý những kiến nghị của cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong phạm vi được phân công. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì họp, làm việc với người đứng

đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổng hợp, rà soát, báo cáo trước khi quyết định;

g) Tổ chức việc phối hợp với cơ quan của Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành và thực hiện những công việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

4. Hằng tuần, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp tình hình công việc được phân công, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại cuộc họp giao ban của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Trong chỉ đạo điều hành, trường hợp có vấn đề liên quan hoặc thuộc lĩnh vực Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp phụ trách; những vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch; những vấn đề chưa được pháp luật quy định cụ thể, rõ ràng, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm đề xuất, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Nếu vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để đưa ra phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận, quyết định.

6. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố còn giải quyết công việc thông qua các hình thức như quy định tại khoản 8 Điều 6.

Điều 8. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của các Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công phụ trách một số lĩnh vực cụ thể, thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện giải quyết công việc thuộc lĩnh vực công tác mình phụ trách; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả công việc được phân công phụ trách; đồng thời cùng các thành viên của Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố trước Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Giải quyết hoặc tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo thẩm quyền các đề nghị của các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện về vấn đề thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực công tác mình phụ trách.

3. Tham gia ý kiến về nội dung liên quan đến chức năng của ngành, lĩnh vực mình phụ trách; tham gia giải quyết công việc, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố. Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền và báo cáo kết quả công việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Chịu trách nhiệm về tiến độ và chất lượng các đề án, cơ chế, chính sách, dự án, văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan mình chủ trì chuẩn bị.

5. Có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ, chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố; thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc Phiếu lấy ý kiến.

6. Thực hiện kế hoạch đi công tác cơ sở, kế hoạch tiếp dân, đối thoại với Nhân dân về các vấn đề thuộc phạm vi phụ trách của mình, thuộc phạm vi của Ủy ban nhân dân Thành phố nếu được phân công; chủ động, kịp thời phát hiện các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực phụ trách để giải quyết; thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn việc thi hành chính sách, pháp luật, việc thực hiện chương trình, kế hoạch và các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ngành, lĩnh vực do mình phụ trách; nắm chắc tình hình thực tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

7. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo các quy chế và quy định có liên quan; nghiên cứu, giải quyết và chủ động báo cáo, đối thoại, trả lời các kiến nghị, chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố, kiến nghị của cử tri, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố về những vấn đề thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

8. Không được nói và làm trái với các quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp có ý kiến khác với các quyết định đó thì vẫn phải chấp hành và được trình bày ý kiến với tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về vấn đề đó. Mọi sự vi phạm tùy theo tính chất, mức độ sẽ được kiểm điểm làm rõ trách nhiệm trước tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Có hộp thư điện tử công vụ để nhận, gửi thông tin, tài liệu, đơn thư, giấy mời họp, trao đổi ý kiến về các công việc có liên quan; được trang bị các phương tiện để phục vụ việc xử lý công việc, trao đổi thông tin qua mạng máy tính; được Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Chấp hành nghiêm, đảm bảo việc bảo mật nhà nước theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm cá nhân trực tiếp và toàn diện trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách và trước pháp luật về thực hiện toàn bộ công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực được giao (kể cả khi đã phân công hoặc ủy nhiệm cho cấp phó) và chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về công tác chuyên môn của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan Trung ương quản lý chuyên ngành. Chủ động triển khai thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; thường xuyên kiểm tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết các công việc sau đây:

a) Những công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của các Bộ, ngành Trung ương, theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, theo Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ quan, đơn vị và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Giải quyết hoặc xem xét đề xuất cách giải quyết những kiến nghị của cử tri, đề nghị của các tổ chức, cá nhân thuộc chức năng, thẩm quyền; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách những việc vượt thẩm quyền hoặc những việc đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết nhưng còn ý kiến chưa thống nhất;

c) Tham gia đề xuất ý kiến về những công việc chung của Ủy ban nhân dân Thành phố và thực hiện một số công việc cụ thể theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách và phân cấp của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan Trung ương quản lý chuyên ngành;

d) Tham gia ý kiến với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện để xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền của cơ quan đó, nhưng có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực mình quản lý; tăng cường sự phối hợp và quản lý thống nhất; chủ động, kịp thời tham gia ý kiến theo trách nhiệm của ngành đối với các cơ chế, chính sách, dự án, đề án, chương trình, các yêu cầu đột xuất mà Ủy ban nhân dân Thành phố giao. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được phân công chủ trì nhiệm vụ có tính chất liên ngành phải chịu trách nhiệm xuyên suốt, đến cùng về chất lượng và tiến độ tham mưu nhiệm vụ đó;

đ) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định về Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị mình;

e) Thực hiện công tác cải cách hành chính của lĩnh vực, của ngành trên địa bàn Thành phố, trong nội bộ cơ quan, đơn vị và tham gia công tác cải cách hành chính của Thành phố;

g) Thực hiện một số công việc cụ thể theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quyết định, chỉ đạo của cấp trên; trường hợp chậm hoặc không thực hiện được, phải kịp thời báo cáo rõ nguyên nhân. Khi có căn cứ là quyết định đó trái pháp luật, thì phải báo cáo ngay bằng văn bản với người ra quyết định.

4. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố đề cao trách nhiệm cá nhân, sử dụng đúng quyền hạn được giao, không chuyên công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách hoặc cho các cơ quan khác và không giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của cấp dưới, của cơ quan khác.

5. Khi tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết công việc, phải nêu rõ cơ sở pháp lý, thẩm quyền, quan điểm, kiến nghị rõ phương án giải quyết công việc và chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu, đề xuất.

6. Khi cần thiết, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động, trực tiếp làm việc với Chủ tịch hoặc các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công phụ trách để xin ý kiến chỉ đạo hoặc đề xuất về những vấn đề thuộc ngành, lĩnh vực của mình. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn đối với đơn vị cấp dưới theo ngành dọc và đơn vị thuộc quyền quản lý.

7. Chịu trách nhiệm về công tác bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước tại cơ quan, đơn vị mình.

8. Để bảo đảm tính nghiêm túc và sự nhất quán, trước khi thực hiện yêu cầu của các cơ quan, tổ chức bên ngoài Ủy ban nhân dân Thành phố về báo cáo, cung cấp thông tin và tiến hành các công việc có liên quan đến thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (kể cả trong trường hợp phân công hoặc ủy quyền cho cấp phó) phải báo cáo và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 10. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trong tham mưu, giúp việc, phục vụ Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định pháp luật.

2. Giúp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố nắm tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố và của các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện về hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại tại địa phương; tổng hợp tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố và báo cáo tại các cuộc họp giao ban hằng tuần của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; đề xuất với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố việc phân công các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, báo cáo những vấn đề về chủ trương, chính sách và cơ chế quản lý.

3. Là người phát ngôn của Ủy ban nhân dân Thành phố; tổ chức việc cung cấp kịp thời, chính xác thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Thống nhất quản lý và sử dụng mạng tin học của Ủy ban nhân dân Thành phố, ứng dụng công nghệ tin học để nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính và trao đổi thông tin giữa các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn Thành phố.

4. Kiểm tra, rà soát về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, sự đồng bộ trong chỉ đạo, điều hành, thể thức, hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản đối với hồ sơ công việc do cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

phổ và chịu trách nhiệm về ý kiến kiểm tra, rà soát của mình.

5. Khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan, đơn vị, địa phương, cần tham mưu, ghi rõ thời hạn thực hiện, thời hạn hoàn thành, thời hạn báo cáo và giao người đứng đầu một cơ quan, địa phương chủ trì thực hiện. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; kiến nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về các biện pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

6. Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, kiểm điểm việc thực hiện Quy chế làm việc; phối hợp xây dựng Quy chế phối hợp công tác giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với Hội đồng nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố.

7. Truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đến các cơ quan, đơn vị chuẩn bị các báo cáo, tài liệu, nội dung cuộc họp và các yêu cầu báo cáo công việc theo chỉ đạo của Thành ủy và các cơ quan Trung ương.

8. Chịu trách nhiệm về công tác bảo mật theo quy định pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 11. Quan hệ phối hợp giải quyết công việc giữa các người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Quan hệ giữa những người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố là quan hệ phối hợp và cộng tác để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị dưới sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của mình có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan khác, nhất thiết phải lấy ý kiến người đứng đầu cơ quan đó. Người đứng đầu cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời và phải chịu trách nhiệm về các ý kiến đó. Việc lấy ý kiến có thể thông qua hình thức tổ chức họp hoặc sử dụng hình thức công văn. Nếu quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, người đứng đầu cơ quan được lấy ý kiến không trả lời bằng văn bản thì xem như đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan.

3. Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền hoặc đứng thẩm quyền nhưng không đủ khả năng và điều kiện để giải quyết, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phải chủ động làm việc với các cơ quan có liên quan, trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chương trình hành động, kế hoạch, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, quyết định và chỉ thị

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về các vấn đề có liên quan đến cơ quan, đơn vị mình phụ trách. Trường hợp những quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có những nội dung không còn phù hợp thì người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền kiến nghị để Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.

Điều 12. Quan hệ công tác giữa người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có yêu cầu làm việc với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố về lĩnh vực quản lý ngành trên địa bàn thành phố thuộc Thành phố, quận, huyện cần chuẩn bị kỹ về nội dung và thông báo trước với cơ quan có liên quan. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phải trực tiếp gặp và làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện. Khi người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố vắng mặt, người đứng đầu phân công một lãnh đạo cấp phó làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, sau đó, báo cáo kết quả với người đứng đầu.

2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm giải quyết các đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện theo thẩm quyền của mình và phải trả lời bằng văn bản trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc hoặc thời gian quy định theo thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực kiến nghị kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và đầy đủ hồ sơ theo quy định. Nếu cơ quan được đề nghị không giải quyết đúng thời hạn thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố làm đầu mối phối hợp với các cơ quan có liên quan, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành, lĩnh vực mình phụ trách; quản lý chặt chẽ các đơn vị trực thuộc đóng tại địa phương, kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các việc làm sai phạm.

Điều 13. Quan hệ phối hợp công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Trong hoạt động của mình, Ủy ban nhân dân Thành phố giữ mối liên hệ thường xuyên với Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành, các cơ quan có liên quan của Trung ương; các cơ quan của Đảng, Hội đồng nhân dân Thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố giữ mối liên hệ thường xuyên với Đoàn Đại

biểu Quốc hội Thành phố; giải quyết hoặc chỉ đạo, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân mà Đại biểu Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố đã chuyển đến; khi có yêu cầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tham dự và chỉ đạo cơ quan chuyên môn cùng tham dự các buổi tiếp xúc cử tri, khảo sát tình hình thực tế trên địa bàn Thành phố của Đại biểu Quốc hội để tiếp thu xử lý những vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc chuẩn bị chương trình, nội dung làm việc của kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố, các báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân Thành phố; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội Thành phố; nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền, các kiến nghị của Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, vận động Nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền Nhân dân, tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tôn trọng và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố trong giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Ủy ban nhân dân Thành phố và các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm, giải quyết và trả lời các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội Thành phố.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, Tòa án nhân dân Thành phố trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, các hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật, giữ vững kỷ luật, kỷ cương hành chính, tuyên truyền giáo dục pháp luật; thực hiện các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Chương III **CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC** **CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

Điều 14. Chương trình công tác

Ủy ban nhân dân Thành phố có chương trình công tác năm, 6 tháng, quý, tháng và lịch công tác tuần của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Chương trình công tác năm gồm hai phần:

a) Phần một: Thể hiện tổng quát các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn của Ủy ban nhân dân Thành phố trên tất cả các lĩnh vực công tác;

b) Phần hai: Bao gồm nội dung các phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân Thành phố và danh mục các báo cáo, đề án, cơ chế, chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề cần trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong năm. Thời hạn trình các đề án trong chương trình công tác năm được dự kiến đến từng quý, từng tháng.

2. Chương trình công tác quý bao gồm: Nội dung các phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân Thành phố và danh mục báo cáo, đề án, cơ chế, chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề cần trình Ủy ban nhân dân Thành phố trong quý.

3. Chương trình công tác tháng bao gồm: Nội dung phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân Thành phố và danh mục các báo cáo, đề án, cơ chế, chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các vấn đề cần trình Ủy ban nhân dân Thành phố trong tháng.

4. Lịch công tác tuần của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bao gồm: Các hoạt động của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo từng ngày trong tuần.

5. Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ thảo luận và giải quyết những nội dung công việc có trong chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố (trừ trường hợp đột xuất, cấp bách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định).

Điều 15. Trình tự lập chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận và thông qua chương trình công tác hằng năm vào kỳ họp tổng kết cuối năm trước. Căn cứ vào chương trình công tác năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xác định chương trình công tác hằng tháng, quý và 6 tháng.

2. Trong chương trình công tác, phải thể hiện rõ những việc do Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận và quyết định tập thể; những việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Đối với những vấn đề cần có đề án hoặc dự thảo văn bản đưa ra tập thể Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận, quyết định, phải nêu rõ yêu cầu, phạm vi cần giải quyết, chỉ định cơ quan chủ trì chuẩn bị, cơ quan tham gia chuẩn bị, cơ quan thẩm tra đề án và thời hạn hoàn thành từng đề án (hoặc dự thảo văn bản).

3. Xây dựng chương trình công tác năm:

a) Phân công thực hiện: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng chương trình công tác năm của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Giữa tháng 10 hằng năm, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, người đứng đầu cơ quan, tổ chức khác trình Ủy ban nhân dân Thành phố danh mục những đề án, dự thảo văn bản, những vấn đề quan trọng cần đưa vào chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm sau;

Danh mục phải thể hiện rõ: tên đề án, văn bản dự thảo, cơ quan chủ trì soạn thảo, người ký quyết định (Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố), cơ quan phối hợp soạn thảo, thời hạn trình; tóm tắt kế hoạch chuẩn bị từng đề án: định hướng nội dung tư tưởng chuẩn bị, phạm vi điều chỉnh, cơ quan phối hợp, cơ quan thẩm định, cấp quyết định, dự kiến tiến độ thực hiện đề án.

c) Đầu tháng 11 hằng năm, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tập hợp dự thảo chương trình công tác năm sau theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và gửi cho các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố góp ý kiến;

d) Chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được dự thảo chương trình, các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét và cho ý kiến để Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn chỉnh dự thảo và trình Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua tại phiên họp giữa tháng 11;

đ) Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua chương trình công tác năm, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký quyết định ban hành và gửi các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện.

4. Xây dựng chương trình công tác quý:

a) Trong tháng cuối của mỗi quý, các cơ quan phải đánh giá tình hình thực hiện chương trình công tác quý đó, rà soát lại các vấn đề cần trình Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố vào quý tiếp theo đã nêu trong chương trình công tác năm và bổ sung các vấn đề mới phát sinh để xây dựng chương trình công tác quý sau. Chậm nhất ngày 20 của tháng cuối quý, các cơ quan gửi dự kiến chương trình quý sau cho Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác quý của Ủy ban nhân dân Thành phố (các vấn đề được chia theo các lĩnh vực của Chủ tịch và từng Phó Chủ tịch xử lý), trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Chậm nhất ngày 25 của tháng cuối quý, phải gửi chương trình công tác quý sau cho các cơ quan liên quan để thực hiện.

5. Xây dựng chương trình công tác 6 tháng cuối năm:

a) Những đề án, công việc nêu trong chương trình công tác 6 tháng cuối năm của Ủy ban nhân dân Thành phố phải xác định rõ nội dung chính, người phụ trách, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, cấp quyết định và thời hạn giải quyết của từng cấp;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì, phối hợp các cơ quan xây dựng chương trình công tác 6 tháng cuối năm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chậm nhất ngày 20 tháng 5 của năm, các đơn vị gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố danh mục những công việc cần trình trong 6 tháng cuối năm.

Chậm nhất vào ngày 01 tháng 6, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tập hợp dự thảo chương trình công tác 6 tháng cuối năm theo chỉ đạo của Chủ tịch và gửi cho các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố góp ý kiến.

Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo chương trình, các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét và cho ý kiến để Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn chỉnh dự thảo và trình Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua tại phiên họp giữa tháng 6.

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân

Thành phố thông qua chương trình công tác 6 tháng cuối năm, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định ban hành và gửi các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện.

6. Xây dựng chương trình công tác tháng:

a) Hằng tháng, các cơ quan căn cứ vào tiến độ chuẩn bị các đề án, văn bản dự thảo đã nêu trong chương trình công tác quý, những vấn đề tồn đọng, vấn đề phát sinh để xây dựng chương trình tháng sau; văn bản đề nghị phải gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chậm nhất ngày 20 tháng trước;

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, xây dựng dự thảo chương trình công tác tháng của Ủy ban nhân dân Thành phố, có phân công theo các lĩnh vực Chủ tịch và từng Phó Chủ tịch xử lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định. Chậm nhất ngày 25 hằng tháng, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phải gửi chương trình công tác tháng sau cho các cơ quan liên quan để thực hiện.

7. Xây dựng lịch công tác tuần:

a) Căn cứ chương trình công tác tháng và chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo lịch công tác tuần của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định và thông báo cho các cơ quan liên quan biết chậm nhất vào chiều thứ Sáu hằng tuần;

b) Các cơ quan, đơn vị khi có nhu cầu làm việc với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để giải quyết công việc trong tuần, phải có văn bản đăng ký với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, chậm nhất vào thứ Tư tuần trước.

8. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chủ động, thường xuyên phối hợp với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố để xây dựng chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố, của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

9. Việc điều chỉnh chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan quản lý chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố, có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc xây dựng, điều chỉnh và tổ chức, đôn đốc thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố. Khi có sự điều chỉnh chương trình công tác, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân phải thông báo kịp thời cho các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố và người đứng đầu các cơ quan liên quan biết.

11. Các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện trong phạm vi trách nhiệm của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện chu đáo, đầy đủ, chất lượng

những phần việc có liên quan trong chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố; trường hợp đột xuất, muốn thay đổi nội dung hoặc tham gia xem xét các vấn đề đã nêu trong chương trình công tác thì phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 16. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chương trình công tác

1. Hằng tháng, quý, 6 tháng và năm, các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện rà soát, kiểm điểm việc thực hiện các đề án đã nêu trong chương trình công tác; thông báo với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tiến độ, kết quả xử lý các đề án, công việc do cơ quan mình chủ trì; các đề án, công việc còn tồn đọng, hướng xử lý tiếp theo; đồng thời, điều chỉnh, bổ sung các đề án, công việc trong chương trình công tác thời gian tới.

2. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công phụ trách đề án, chuyên đề công việc có trách nhiệm chỉ đạo kiểm tra các đơn vị triển khai thực hiện theo kế hoạch được duyệt; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi nghiệm thu, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố giúp Ủy ban nhân dân Thành phố thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc chuẩn bị các đề án của các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan, tổ chức khác; định kỳ hằng quý và năm, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả việc thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Kết quả thực hiện chương trình công tác là một tiêu chí quan trọng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, các, cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Chương IV PHIÊN HỌP ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 17. Phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức họp thường kỳ mỗi tháng một lần (vào ngày thứ Bảy tuần cuối cùng của tháng hoặc thời gian phù hợp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nhưng không được kéo dài qua tháng sau, trừ trường hợp đặc biệt); trường hợp cần thiết, tổ chức phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp xét thấy cần thiết, theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo yêu cầu của ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Việc triệu tập, chuẩn bị, tổ chức họp và các nội dung khác liên quan đến phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất được thực hiện như đối với phiên họp thường kỳ; trường hợp khác, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ tọa phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm thực hiện chương trình phiên họp và những quy định về phiên họp. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố vắng mặt, một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công chủ tọa phiên họp.

4. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì việc thảo luận từng đề án trình Ủy ban nhân dân Thành phố, theo lĩnh vực được phân công.

Điều 18. Công tác chuẩn bị phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nội dung phiên họp và thời gian, chương trình, thành phần dự họp.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ:

a) Tổng hợp các hồ sơ, đề án trình ra phiên họp;

b) Chuẩn bị chương trình phiên họp, dự kiến thành phần họp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định; chuẩn bị các điều kiện phục vụ phiên họp;

Chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc, trước ngày phiên họp bắt đầu, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định nội dung, chương trình, hồ sơ, đề án, thời gian họp, thành phần dự họp và thông báo cho các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố về quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố các vấn đề trên. Nếu thấy hồ sơ, đề án chuẩn bị chưa đạt yêu cầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoãn đưa ra phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố để chuẩn bị cho hoàn chỉnh, đạt yêu cầu;

c) Đôn đốc người đứng đầu cơ quan có đề án trình trong phiên họp gửi đầy đủ hồ sơ, đề án và các văn bản liên quan;

d) Gửi chương trình, thời gian họp và các tài liệu trình tại phiên họp, bản tổng hợp các công việc (gồm xử lý đơn thư, khiếu nại, tố cáo) trễ hạn của cơ quan, đơn vị đến các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày bắt đầu phiên họp thường kỳ và chậm nhất là 01 (một) ngày trước ngày bắt đầu phiên họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất.

Điều 19. Thành phần dự phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố họp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ủy ban nhân dân Thành phố dự họp. Các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tham dự đều đặn, đầy đủ các phiên họp của Ủy ban nhân dân Thành phố; nếu vắng mặt trong cả phiên họp hoặc vắng mặt một phần thời gian của phiên họp thì phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý.

2. Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố đồng thời là người đứng đầu cơ quan chuyên môn có thể ủy nhiệm cấp phó của mình dự họp thay nếu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của người mình ủy nhiệm phát biểu trong phiên họp. Người dự họp thay được phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

3. Khách mời tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;

b) Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;

c) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Chủ tịch Liên đoàn Lao động Thành phố, Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đại diện các Ban của Thành ủy, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố được mời tham dự phiên họp của Ủy ban nhân dân Thành phố khi thảo luận, bàn về những vấn đề có liên quan;

d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đại biểu khác được mời tham dự phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố khi bàn về các vấn đề có liên quan;

đ) Đại biểu không phải là thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố được mời phát biểu ý kiến, nhưng không tham gia biểu quyết.

Điều 20. Trình tự phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo nội dung và chương trình phiên họp; các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố có mặt, vắng mặt, người dự họp thay và các đại biểu được mời tham dự.

2. Chủ tọa điều khiển phiên họp.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận từng vấn đề theo trình tự:

a) Người đứng đầu cơ quan chủ trì trình bày tóm tắt (không đọc toàn văn) đề án, nêu rõ những vấn đề cần xin ý kiến Ủy ban nhân dân Thành phố; nếu vấn đề cần xin ý kiến đã được thuyết minh rõ trong tờ trình thì không phải trình bày thêm. Riêng hợp về tình hình kinh tế - xã hội, phân công Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố trình bày báo cáo phản biện về tình hình kinh tế - xã hội do Sở Kế hoạch và Đầu tư trình bày;

b) Các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố phát biểu ý kiến, thể hiện nội dung tán thành hoặc không tán thành trong đề án. Các đại biểu được mời dự họp phát biểu đánh giá, nhận xét về đề án;

c) Người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án phát biểu ý kiến tiếp thu và giải trình những điểm chưa nhất trí, những câu hỏi của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố và các đại biểu dự họp (nếu có);

d) Ý kiến của cơ quan thẩm định văn bản đối với trường hợp phiên họp thông qua văn bản quy phạm pháp luật;

đ) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định các vấn đề tại phiên họp bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hình thức biểu quyết (biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín);

e) Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố phải được quá nửa (1/2) tổng số thành viên Ủy ban nhân dân biểu quyết tán thành. Trường hợp số tán thành và số không tán thành ngang nhau thì quyết định theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

g) Nếu thấy vấn đề thảo luận chưa rõ, chủ tọa đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chưa thông qua đề án và yêu cầu chuẩn bị thêm.

4. Chủ tọa phiên họp kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 21. Biên bản phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức việc ghi biên bản phiên họp của Ủy ban nhân dân Thành phố; biên bản phải ghi đầy đủ, trung thực, chính xác nội dung các ý kiến phát biểu và diễn biến của phiên họp, ý kiến kết luận của chủ tọa phiên họp và kết quả biểu quyết.

2. Sau mỗi phiên họp, không quá 03 (ba) ngày làm việc, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công ký ban hành văn bản để thông báo kịp thời những quyết định, kết luận của chủ tọa phiên họp. Thông báo được gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân sau:

a) Thủ tướng Chính phủ;

b) Các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy hoặc Thường trực Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện;

d) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

3. Đối với kết quả phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố liên quan đến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tái bố trí dân cư để giải phóng mặt bằng, thu hồi đất thực hiện các dự án và các vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của công dân trên địa bàn Thành phố thì ngay sau mỗi phiên họp, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm thông tin cho các cơ quan báo chí.

Chương V

GIẢI QUYẾT CÁC CÔNG VIỆC THƯỜNG XUYÊN CỦA CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Điều 22. Cách thức giải quyết công việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Xử lý công việc trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình của cơ quan chủ trì đề án và Phiếu trình giải quyết công việc của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; chương trình, kế hoạch công tác và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Họp làm việc với lãnh đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và cơ quan liên quan để giải quyết công việc thường xuyên.

3. Trực tiếp giải quyết công việc tại địa phương, cơ sở.

4. Thành lập các tổ chức tư vấn giúp chỉ đạo một số nhiệm vụ quan trọng hoặc vấn đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố.

5. Trong quá trình xử lý công việc, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm thông báo cho nhau những vấn đề quan trọng được mình giải quyết, vấn đề liên quan đến ngành, lĩnh vực của Phó Chủ tịch Ủy ban

nhân dân Thành phố khác.

Điều 23. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc chuẩn bị Phiếu trình

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố những vấn đề thuộc phạm vi giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố nêu tại các Điều 4, 6, 7 và có đủ thủ tục theo quy định tại Điều 30 của Quy chế này.

2. Khi nhận được hồ sơ của các cơ quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ kiểm tra hồ sơ về thủ tục, nội dung, thể thức, hình thức văn bản và lập Phiếu trình giải quyết công việc, trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Đối với dự thảo là văn bản quy phạm pháp luật, sau khi thẩm tra, thống nhất phải có chữ ký tắt của Chánh Văn phòng hoặc Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Thẩm tra về thủ tục: nếu hồ sơ trình không đúng quy định, trong 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trả lại hồ sơ và yêu cầu người đứng đầu cơ quan trình bổ sung đủ hồ sơ theo quy định;

b) Thẩm tra về thể thức, hình thức văn bản dự thảo: nếu thể thức, hình thức văn bản không phù hợp, chưa đúng quy định, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với cơ quan chủ trì dự thảo hoàn chỉnh lại;

c) Thẩm tra về nội dung và tính hợp pháp, thống nhất của văn bản: Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến thẩm tra độc lập về nội dung, tính hợp pháp, thống nhất của văn bản; đồng thời phối hợp với cơ quan soạn thảo chỉnh sửa những nội dung không đúng, không phù hợp trong văn bản dự thảo trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Đối với những vấn đề chưa thống nhất được với cơ quan soạn thảo, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì tổ chức họp với cơ quan soạn thảo và các cơ quan liên quan để thảo luận đi đến thống nhất. Trường hợp vẫn chưa thống nhất, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố được bảo lưu ý kiến và trình bày rõ những ý kiến khác biệt đối với nội dung các văn bản của các cơ quan trong Phiếu trình, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố không làm thay hoặc tự ý bác bỏ ý kiến của cơ quan soạn thảo văn bản.

5. Chậm nhất 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phải thẩm tra xong hồ sơ, đề án:

a) Nếu hồ sơ, đề án được chuẩn bị đúng yêu cầu, phạm vi quy định và đúng thủ tục pháp lý thì Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc đưa ra hội nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định;

b) Nếu hồ sơ, đề án chuẩn bị không đạt yêu cầu quy định, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố được quyền đề nghị cơ quan chủ trì đề án chuẩn bị lại

cho đạt yêu cầu. Nếu người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án không nhất trí thì Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 24. Xử lý hồ sơ trình và thông báo kết quả

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết công việc thường xuyên, chủ yếu trên cơ sở Phiếu trình của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và các hồ sơ, tài liệu của cơ quan trình.

2. Chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc (trừ khi đi công tác xa), kể từ ngày Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trình, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có ý kiến vào Phiếu trình và chuyển lại Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Phương thức lấy ý kiến bổ sung cho đề án và hoàn chỉnh đề án:

a) Tùy tính chất của đề án, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp nghe người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án, các cơ quan và cán bộ nghiên cứu phát biểu ý kiến để làm rõ thêm những vấn đề nêu trong đề án. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo cho người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án chuẩn bị nội dung và tổ chức buổi làm việc;

b) Nếu thấy cần thiết, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công, tổ chức họp với người đứng đầu các cơ quan liên quan để nghe thêm ý kiến, trao đổi những vấn đề chưa nhất trí và chỉ đạo người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án hoàn chỉnh và trình lại Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Đối với các đề án, văn bản thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, sau khi xem xét, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc:

a) Cho trình đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ra phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Yêu cầu chuẩn bị thêm, nếu xét thấy đề án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa đạt yêu cầu để trình ra phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Cho phép áp dụng hình thức lấy ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Phiếu xin ý kiến được quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

5. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về đề án, văn bản dự thảo, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo cho người đứng đầu cơ quan trình:

a) Trường hợp đề án, văn bản chưa đạt yêu cầu, người đứng đầu cơ quan trình phải hoàn chỉnh văn bản dự thảo để trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong thời gian sớm nhất;

b) Trường hợp dự thảo văn bản được Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua, trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với cơ quan trình hoàn chỉnh các nội dung cần thiết để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký ban hành.

Điều 25. Tổ chức các buổi họp, làm việc của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để xử lý công việc thường xuyên

1. Họp xử lý công việc thường xuyên:

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức họp để xử lý công việc thường xuyên và những công việc phức tạp, cấp bách, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Việc tổ chức cuộc họp của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để xử lý công việc thường xuyên thực hiện theo quy định:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố dự kiến nội dung, thành phần, thời gian và địa điểm tổ chức họp, phân công các cơ quan liên quan chuẩn bị các báo cáo trình bày tại cuộc họp trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

b) Khi được sự đồng ý của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm chậm nhất 02 (hai) ngày, gửi giấy mời cùng tài liệu họp đến các thành phần được mời; chuẩn bị địa điểm và các điều kiện phục vụ, bảo đảm an toàn cho cuộc họp; ghi biên bản cuộc họp (khi cần thiết có thể ghi hình, ghi âm); sau cuộc họp ra thông báo kết luận của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Cơ quan được phân công chuẩn bị báo cáo có trách nhiệm chuẩn bị kịp thời, đầy đủ tài liệu họp theo thông báo của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; chuẩn bị ý kiến giải trình các vấn đề liên quan đến nội dung báo cáo. Sau cuộc họp, hoàn chỉnh đề án hoặc dự thảo văn bản trình theo kết luận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời họp, có trách nhiệm đến dự đúng thành phần, thời gian và phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan đến chức năng, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

đ) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố điều hành cuộc họp thảo luận, xử lý, giải quyết dứt điểm từng vấn đề, công việc;

e) Tại cuộc họp, người được phân công báo cáo chỉ trình bày tóm tắt báo cáo và những vấn đề cần thảo luận.

2. Họp giao ban hằng tuần giữa Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố họp giao ban hằng tuần vào sáng thứ Hai; trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cụ thể về số lượng cuộc họp và thời gian họp;

b) Nội dung cuộc họp: Giải quyết các vấn đề thuộc quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố giữa hai phiên họp của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc xin ý kiến giải quyết công việc cần thiết liên quan đến các kiến nghị của cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện mà Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chưa xử lý được qua hồ sơ và Phiếu trình của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và các vấn đề khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

c) Trường hợp cần thiết có thể mời Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc

Thành phố, một số Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, người đứng đầu cơ quan chuyên môn có liên quan tham dự phiên họp;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì họp giao ban;

đ) Việc tổ chức cuộc họp giao ban, thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Họp, làm việc với người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Mỗi quý một lần, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố họp, làm việc với người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện về tình hình thực hiện chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Thành phố; việc chấp hành chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Thành phần tham dự gồm các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có liên quan (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định), mời Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, các ban Thành ủy có liên quan cùng dự.

Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ nêu trên; nếu vì lý do công tác không tham dự được, phải xin phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và cử cấp phó đi thay, nếu được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận;

b) Khi cần thiết, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố họp, làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc lĩnh vực mình phụ trách để kiểm tra, nắm tình hình, đôn đốc thực hiện chương trình công tác và chỉ đạo những vấn đề phát sinh đột xuất. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập người đứng đầu một số cơ quan chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân một số quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố họp bàn giải quyết các vấn đề liên quan đến các cơ quan, địa phương đó;

c) Sáu tháng một lần, Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch phân công họp liên tịch định kỳ với lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố;

d) Định kỳ một tháng một lần, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công chủ trì họp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Khi cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố triệu tập người đứng đầu một số cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân một số quận,

huyện họp bàn giải quyết các vấn đề liên quan đến các cơ quan, địa phương đó;

e) Việc tổ chức các cuộc họp được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Ngoài ra, tùy theo yêu cầu chỉ đạo, điều hành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có các cuộc họp chuyên đề khác.

5. Đối với các cuộc họp, Hội nghị, Hội thảo, tiếp khách... mà Chương trình có phát biểu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát thẩm định nội dung phát biểu và trình xin ý kiến trước 02 (hai) ngày làm việc.

6. Trong tất cả các phiên họp của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có Tờ trình tóm tắt nội dung làm việc, ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan và ý kiến đề xuất của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố dự thảo Thông báo kết luận chỉ đạo phiên họp trước 01 ngày làm việc.

b) Mỗi đơn vị dự họp chỉ cử một đồng chí tham dự, không cử cấp phòng tham dự;

c) Điện thoại, thiết bị thu, phát sóng để ở khu vực quy định.

Điều 26. Tổ chức họp của các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện; mời Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố dự họp và làm việc

1. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có quyền quyết định tổ chức các cuộc họp, hội nghị trong phạm vi quản lý của cấp mình để thảo luận về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, công tác chuyên môn hoặc tập huấn nghiệp vụ. Tất cả các cuộc họp, hội nghị phải thiết thực và được tổ chức ngắn gọn, tiết kiệm theo đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện khi có nhu cầu mời Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố dự họp hoặc làm việc phải có văn bản đăng ký trước với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố để phối hợp chuẩn bị nội dung, bố trí lịch làm việc và phân công chuyên viên theo dõi, phục vụ. Đối với những vấn đề cấp bách, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp báo cáo và chủ động bố trí thời gian để Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố làm việc với cơ quan, đơn vị, xử lý kịp thời vấn đề phát sinh.

3. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện không cử hoặc ủy quyền cho cấp dưới làm việc, báo cáo với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trừ trường hợp được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý hoặc triệu tập đích danh.

Chương VI THỦ TỤC TRÌNH, BAN HÀNH VĂN BẢN

Điều 27. Thủ tục gửi văn bản, trình giải quyết công việc

1. Tất cả các văn bản, tờ trình gửi Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phải được vào Sổ đăng ký văn bản đến của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố (có kèm văn bản điện tử). Trường hợp cán bộ, chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố nhận trực tiếp, phải chuyển lại cho Phòng Hành chính - Tổ chức (bộ phận văn thư) để làm thủ tục vào sổ văn thư. Việc phát, chuyển văn bản, tờ trình phải có ý kiến của lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi chuyển đến địa chỉ xử lý theo thẩm quyền.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức lập danh mục văn bản, tờ trình theo vấn đề, nội dung các cơ quan, đơn vị mình để theo dõi, đôn đốc quá trình xử lý.

3. Các vấn đề trình Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đều phải đảm bảo đúng, đủ các quy định:

a) Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện phải chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định và ký tờ trình; nếu ủy quyền cho cấp Phó trình, thì phải chịu trách nhiệm về nội dung tờ trình và các văn bản khác có liên quan đến tờ trình, do người được ủy quyền ký;

b) Có đầy đủ hồ sơ (tùy tính chất vấn đề mà quy định tài liệu cần có trong hồ sơ) và phải được đăng ký tại bộ phận văn thư của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định;

c) Trường hợp nội dung trình có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan khác, trong hồ sơ trình phải có ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan; nếu đã có văn bản xin ý kiến nhưng cơ quan liên quan chưa trả lời theo thời gian quy định, trong hồ sơ trình phải báo cáo rõ danh sách các cơ quan chưa có ý kiến;

d) Các đề án, văn bản, tờ trình đề nghị giải quyết công việc chỉ gửi 01 bản chính đến 01 địa chỉ là cơ quan có thẩm quyền giải quyết, nếu cần gửi đến các cơ quan có liên quan để biết hoặc phối hợp thì chỉ ghi tên cơ quan đó ở phần cuối văn bản (mục nơi nhận).

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố không được trình Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Những việc không do người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, đoàn thể nhân dân Thành phố hoặc cấp Phó được ủy quyền ký trình;

b) Những vấn đề mà nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện đã được phân công, phân cấp quản lý;

c) Những việc do người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân

quận, huyện, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, đoàn thể nhân dân Thành phố trình có liên quan đến cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện khác mà không có ý kiến của người đứng đầu cơ quan đó, trừ trường hợp cơ quan trình hồ sơ đã có văn bản xin ý kiến cơ quan liên quan nhưng không nhận được văn bản trả lời trong thời gian quy định hoặc văn bản trả lời từ chối, không nêu ý kiến.

5. Các cơ quan, tổ chức khác không thuộc phạm vi quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố, thủ tục gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về công tác văn thư và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 28. Đề án trình Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Đề án trình Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện nào thì đơn vị đó chủ trì đề án và phải chịu trách nhiệm nội dung và thời gian trình.

2. Đối với những đề án lớn, quan trọng, có liên quan đến nhiều cơ quan chuyên môn, nhiều Ủy ban nhân dân quận, huyện, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, hoặc có nội dung phức tạp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định lập ra một tổ chức theo chương trình mục tiêu để chuẩn bị hoặc giao cho một đơn vị làm chủ đề án.

3. Nếu cơ quan chủ trì đề án muốn thay đổi yêu cầu, phạm vi, vấn đề hoặc thời hạn trình đề án thì phải báo cáo lại và được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công phụ trách lĩnh vực đó.

Điều 29. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án

1. Chịu trách nhiệm pháp lý về những vấn đề mà nội dung đề án của cơ quan, đơn vị mình trình Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Cung cấp đầy đủ các tài liệu, hồ sơ có liên quan để Ủy ban nhân dân Thành phố và các ngành có liên quan chuẩn bị tham gia đóng góp cho dự thảo đề án.

3. Người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án mời người đứng đầu cơ quan có liên quan đến bàn việc chuẩn bị đề án hoặc cử cán bộ tham gia xây dựng đề án.

a) Đối với những đề án có liên quan đến tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, đoàn thể nhân dân nào thì phải mời tham gia hoặc lấy ý kiến (bằng văn bản) lãnh đạo của tổ chức đó;

b) Người đứng đầu cơ quan được mời có trách nhiệm cử người có thẩm quyền, am hiểu lĩnh vực của đề án tham gia và cung cấp các tài liệu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan chủ trì đề án.

4. Người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án gửi dự thảo đề án đến người đứng đầu cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có liên quan để lấy ý kiến. Người đứng đầu các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phát biểu ý kiến của mình bằng văn bản trong thời hạn do người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án đề nghị; đề án phải được gửi trước, đủ thời gian để nghiên cứu, góp ý kiến. Sau thời hạn 15 (mười lăm)

ngày làm việc theo đề nghị, nếu cơ quan được lấy ý kiến không trả lời (bằng văn bản), được xem như đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến ngành, địa phương mình.

5. Người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án mời người đứng đầu cơ quan có liên quan đến hợp đề thảo luận, góp ý kiến về dự thảo đề án: người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án phải gửi tài liệu cho các cơ quan được mời ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp; đối với những đề án lớn, phức tạp phải gửi trước 07 (bảy) ngày làm việc; cơ quan được mời họp phải cử người có đủ thẩm quyền dự họp.

6. Tờ trình của người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án cần phải nêu rõ những ý kiến của người đứng đầu các cơ quan có liên quan. Người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án chịu trách nhiệm tổ chức và chủ trì cuộc thảo luận, giới thiệu nội dung và thu thập ý kiến để bổ sung, hoàn chỉnh đề án. Mọi ý kiến thảo luận (bao gồm cả những điểm còn có ý kiến khác nhau) phải được ghi đầy đủ, trung thực, chính xác vào biên bản, có chữ ký của người chủ tọa hội nghị.

Điều 30. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tờ trình của người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án phải ngắn, gọn và thuyết minh rõ nội dung của đề án; nêu sự cần thiết của việc xây dựng đề án, thể hiện đầy đủ tính pháp lý, cơ sở khoa học, luận cứ, tính khả thi, của các kiến nghị, những vấn đề chưa được nhất trí; nêu rõ chính kiến, đề xuất phương án cụ thể;

b) Dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký và các dự thảo văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có);

c) Báo cáo thẩm định của cơ quan chức năng (nếu có);

d) Ý kiến của các cơ quan liên quan đến vấn đề trình;

đ) Bản tổng hợp ý kiến và giải trình về nội dung dự thảo văn bản;

e) Các tài liệu khác có liên quan (bản đồ, bản vẽ, biểu đồ, hình ảnh,...).

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố lập Phiếu trình giải quyết công việc (theo mẫu thống nhất) kèm với hồ sơ do người đứng đầu cơ quan chủ trì đề án lập theo quy định tại khoản 1 Điều này, trình Chủ tịch hoặc đích danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách lĩnh vực đó, là người có thẩm quyền giải quyết công việc. Trong Phiếu trình phải thể hiện rõ nội dung trình, tên cơ quan trình, tóm tắt nội dung trình, ý kiến của các cơ quan liên quan (gồm cả những ý kiến khác nhau) về vấn đề trình; ý kiến đề xuất của chuyên viên theo dõi; ý kiến đề xuất và chữ ký của lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 31. Quy định về việc ký văn bản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố các văn bản:

a) Văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành;

b) Văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Tờ trình, báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký theo thẩm quyền các loại văn bản:

a) Quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Quyết định đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc Thành phố, của Ủy ban nhân dân quận. Đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố thuộc Thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố bãi bỏ;

c) Quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định của pháp luật.

3. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố một số quyết định, chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về chỉ đạo các công tác cụ thể, đôn đốc, hướng dẫn thi hành các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, các văn bản gửi Bộ, ngành Trung ương thuộc lĩnh vực được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phân công phụ trách và các văn bản khác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được ký thừa ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố một số văn bản hành chính khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền. Việc ủy quyền phải bằng văn bản và có thời hạn nhất định. Người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác ký. Trường hợp người đứng đầu cơ quan chuyên môn ký thừa ủy quyền với chức danh là Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố thì văn bản được đóng dấu của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố được ký thừa lệnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố các văn bản:

a) Văn bản thông báo ý kiến kết luận của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại các cuộc họp do Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì;

b) Văn bản thông báo kết quả xử lý các công việc cụ thể của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để các cơ quan liên quan biết và thực hiện;

c) Các văn bản khác theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp những văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện tốt trách nhiệm này.

Điều 32. Phát hành, công bố các văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm phát hành các văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong thời gian không quá 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký; bảo đảm đúng địa chỉ, đúng thủ tục.

2. Các văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành có liên quan trực tiếp đến giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và nghĩa vụ của công dân phải được thông báo hoặc niêm yết công khai tại trụ sở các cơ quan có liên quan giải quyết.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, văn bản hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố phải đăng Công báo Thành phố; kịp thời cập nhật vào mạng tin học của Ủy ban nhân dân Thành phố và mạng tin học diện rộng của Chính phủ (trừ văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật Nhà nước).

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức việc gửi văn bản trên mạng tin học diện rộng của Chính phủ và cập nhật vào mạng tin học của Ủy ban nhân dân Thành phố; quản lý thống nhất và tổ chức việc đăng Công báo theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 33. Triển khai văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong toàn ngành hoặc địa phương mình. Quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, trở ngại hoặc phát hiện vấn đề cần xem xét, phải kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các văn bản do người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành để hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố đều phải gửi đến Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Tư pháp để kiểm tra, theo dõi.

Điều 34. Kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

Sở Tư pháp là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Thực hiện công tác tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành; phát hiện những quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình thực tế để kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản đó.

2. Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân quận, huyện ban hành và đề xuất xử lý các văn bản trái pháp luật theo quy định.

Chương VII

KIỂM TRA VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

Điều 35. Nguyên tắc kiểm tra

1. Kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên và có kế hoạch. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quyết định kế hoạch và hình thức kiểm tra.
2. Kiểm tra phải bảo đảm dân chủ, công khai, đúng pháp luật, không gây phiền hà và không làm cản trở đến hoạt động bình thường của đơn vị được kiểm tra.
3. Quá trình kiểm tra phải lập biên bản kiểm tra; khi kết thúc kiểm tra phải có kết luận rõ ràng, nếu phát hiện có sai phạm phải xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm minh, kịp thời.

Điều 36. Phạm vi kiểm tra

1. Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra việc thi hành các văn bản của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương; Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính Nhà nước trên địa bàn Thành phố.
2. Các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra việc thi hành các văn bản trong phạm vi quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý của cơ quan mình.

Điều 37. Phương thức kiểm tra

1. Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Đoàn kiểm tra trong trường hợp đặc biệt.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập Đoàn kiểm tra hoặc phân công thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố chủ trì kiểm tra việc thi hành các văn bản chỉ đạo đối với những lĩnh vực, chương trình, dự án cụ thể có vấn đề nổi cộm; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực thi các quy định của pháp luật.
3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra thông qua làm việc trực tiếp với các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện.
4. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kiểm tra việc thi hành các văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và tổ chức, cá nhân tại địa phương.
5. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc đột xuất việc thi hành các văn bản trong phạm vi quản lý của cơ quan mình.

Điều 38. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Khi kết thúc kiểm tra, cơ quan chủ trì việc kiểm tra phải báo cáo kết quả với cấp có thẩm quyền; nếu phát hiện có sai phạm thì xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Định kỳ hằng quý, các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình kiểm tra việc thi hành các văn bản thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình kiểm tra việc thi hành văn bản tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân Thành phố vào cuối quý.

Chương VIII **TIẾP KHÁCH, ĐI CÔNG TÁC**

Điều 39. Việc tiếp khách trong nước của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Các trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp xã giao, gặp mặt các đoàn đại biểu, khách đến thăm, làm việc tại Thành phố:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp mời hoặc theo chỉ đạo của cấp trên;

b) Theo đề nghị của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố;

c) Theo đề nghị của khách.

2. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội Thành phố khi có nhu cầu tiếp khách phải có văn bản đề nghị gửi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ít nhất 02 (hai) ngày làm việc, trước ngày dự kiến tiếp; văn bản thể hiện rõ nội dung, hình thức cuộc tiếp, số lượng khách, thời gian, địa điểm tiếp và kèm theo các hồ sơ cần thiết về: nội dung, thời gian, thành phần, hoạt động của khách tại địa bàn Thành phố và các đề xuất, kiến nghị. Cơ quan chủ trì mời phải phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chuẩn bị nội dung buổi tiếp và tổ chức buổi tiếp đạt kết quả tốt.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ:

a) Báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về đề nghị tiếp khách của các cơ quan, đơn vị; thông báo kịp thời ý kiến của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cho các cơ quan liên quan biết, đồng thời đưa vào Lịch công tác tuần của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, khi được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị nội dung cuộc tiếp. Trường hợp cần thiết, theo chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, đề nghị các cơ quan liên quan chuẩn bị một số nội dung cụ thể của cuộc tiếp;

c) Mời các cơ quan báo chí dự để đưa tin về cuộc tiếp (khi cần thiết);

d) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức phục vụ và bảo đảm chu đáo, an toàn cho cuộc tiếp; tổ chức triển khai thực hiện các công việc cần thiết sau cuộc tiếp.

Điều 40. Việc tiếp khách nước ngoài của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Các trường hợp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp khách nước ngoài, tiếp xã giao, tiếp làm việc (chính thức hoặc không chính thức):

a) Theo giới thiệu của các cơ quan Trung ương;

b) Theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức trong Thành phố;

c) Theo đề nghị trực tiếp của khách.

2. Các cơ quan, tổ chức trong Thành phố khi có nhu cầu đề nghị Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp khách nước ngoài của cơ quan, tổ chức mình, phải trao đổi trước với Sở Ngoại vụ, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố để xin ý kiến Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Các ý kiến đề xuất phải gửi Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ít nhất 05 (năm) ngày làm việc, trước ngày dự kiến tiếp.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 39 của Quy chế này.

4. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện khi mời khách nước ngoài đến làm việc hoặc tiếp khách nước ngoài đến thăm Thành phố đều phải xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố (hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền) và được thực hiện thông qua Sở Ngoại vụ.

5. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức Thành phố thực hiện đúng đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đảm bảo yêu cầu về chính trị, đối ngoại và nghi thức, tập quán, phong tục của Việt Nam; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chuẩn bị các nội dung liên quan; bố trí phương tiện đi lại, nơi ăn, nghỉ, tặng phẩm theo quy định hiện hành của Chính phủ.

Điều 41. Chế độ đi công tác

1. Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố hằng tháng phải dành thời gian đi công tác cơ sở để kiểm tra, nắm tình hình triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quyết định, chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; gặp gỡ tiếp xúc, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân; nắm tình hình ở cơ sở để kịp thời chỉ đạo và đề xuất những giải pháp giúp địa phương, cơ sở khắc phục khó khăn. Tùy nội dung, để tổ chức hình thức đi công tác cho phù hợp, bảo đảm thiết thực và tiết kiệm, có thể báo trước hoặc không báo trước cho cơ sở.

2. Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố đi công tác cơ sở phải có kế hoạch trước. Trường hợp đi công tác, làm việc với các địa phương khác và các Bộ, ngành Trung ương trên 05 (năm) ngày phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố không bố trí đi công tác trong thời gian Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố họp, trừ trường hợp đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đồng ý.

4. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện đi công tác ra khỏi Thành phố từ 03 (ba) ngày làm việc trở lên phải báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách ngành, lĩnh vực và quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố (qua Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố) và giới thiệu người thay thế xử lý công việc trong thời gian vắng mặt.

5. Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện khi đi công tác nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản và chỉ đi khi được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, phải tuân thủ các quy định của Đảng, Nhà nước về công tác nước ngoài của cán bộ, công chức, viên chức.

6. Các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện đi công tác theo sự chỉ đạo hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, phải kịp thời báo cáo kết quả làm việc với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách lĩnh vực.

7. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch đi thăm và làm việc tại các đơn vị, cơ sở của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; thông báo cho các đơn vị, cơ sở và cơ quan chuyên môn liên quan biết kết quả các cuộc thăm và làm việc chính thức của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổng hợp, cân đối chương trình đi công tác của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố để bảo đảm thực hiện đúng trọng tâm, hiệu quả;

c) Theo dõi tình hình đi công tác của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trong phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố vào tháng 6 và cuối năm.

Chương IX

CÔNG TÁC THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, TIẾP CÔNG DÂN, PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG VÀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Điều 42. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Chỉ đạo Chánh Thanh tra Thành phố, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng ban Ban Tiếp công dân Thành phố và người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện phối hợp

thực hiện nghiêm công tác thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; định kỳ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố họp với các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và người đứng đầu các cơ quan liên quan để giải quyết hết thẩm quyền và dứt điểm các vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài và các vụ việc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, xử lý kịp thời kết luận, kiến nghị thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền quy định tại Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành; giải quyết tố cáo theo thẩm quyền quy định tại Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố được ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, những vụ việc khiếu kiện tồn đọng kéo dài, gay gắt, đông người, vượt cấp thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện việc tiếp công dân theo quy định của Luật Tiếp công dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố có thể ủy nhiệm cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp công dân theo quy định của pháp luật nhưng ít nhất hằng tháng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phải bố trí thời gian để trực tiếp tiếp công dân 01 (một) ngày. Mỗi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí thời gian tiếp công dân ít nhất 01 (một) ngày/tháng.

Điều 43. Trách nhiệm của thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình, các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức công tác thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành, các đơn vị; kết luận và có quyết định giải quyết triệt để các vụ việc khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị ngay tại cơ sở.

2. Giải quyết kịp thời, đúng quy định của pháp luật những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; trân trọng lắng nghe ý kiến của công dân đề cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác.

3. Tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định của Luật Tiếp công dân và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 44. Trách nhiệm của Chánh Thanh tra Thành phố

1. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, công tác tiếp công dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong phạm vi thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; tham mưu giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khi được giao.

3. Khi phát hiện quyết định giải quyết khiếu nại, kết luận việc giải quyết tố cáo của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện vi phạm pháp luật thì báo cáo, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

4. Trực tiếp kiểm tra, giám sát, thanh tra, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện tiến hành công tác thanh tra, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

5. Hằng 6 tháng, năm báo cáo tại phiên họp Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình, kết quả ưu điểm, khuyết điểm và kiến nghị các giải pháp khắc phục đối với công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 45. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Lãnh đạo, chỉ đạo Ban Tiếp công dân Thành phố trong việc lập kế hoạch, chương trình tiếp công dân của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; đề xuất lãnh đạo Thành ủy tiếp công dân theo chỉ đạo của Thường trực Thành ủy.

2. Phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo, giải quyết những khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

3. Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc thực hiện quyết định, chỉ thị, ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Trả lời các đơn, thư khiếu nại, tố cáo khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền.

Điều 46. Trách nhiệm của Trưởng ban Ban Tiếp công dân Thành phố

1. Quản lý, điều hành hoạt động tại Trụ sở tiếp công dân Thành phố, tổ chức thực hiện việc tiếp công dân đúng theo quy định tại Luật Tiếp công dân và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tiếp công dân Thành phố.

2. Là đầu mối tiếp nhận, phân loại, đề xuất xử lý bước đầu đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân gửi Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Tổ chức và bố trí lịch đề Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp công dân. Phối hợp với các cơ quan chức năng và các cơ quan hữu quan chuẩn bị đầy đủ hồ sơ tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trình Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân Thành phố.

4. Dự thảo nội dung kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc thông báo truyền đạt nội dung kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại các buổi tiếp công dân đến các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện.

5. Định kỳ trước ngày 20 hằng tháng, Ban Tiếp công dân Thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Trụ sở tiếp công dân Thành phố;

tiếp nhận thông tin của Thanh tra Thành phố về tiến độ thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn Thành phố, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Theo dõi, đôn đốc người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện những kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc giải quyết đơn của công dân và giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo.

7. Phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc tham mưu giải quyết đơn thư của công dân, đề xuất xử lý đối với trường hợp đơn thư do cơ quan Trung ương, các cơ quan giám sát và cơ quan khác chuyển đến Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 47. Tổ chức tiếp công dân

1. Ban Tiếp công dân Thành phố có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức tham gia tiếp công dân; bố trí cán bộ có đủ trình độ, năng lực và hiểu biết về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân.

2. Chánh Thanh tra Thành phố phối hợp với Trưởng ban Ban Tiếp công dân và các cơ quan có liên quan xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của Thành phố; tổ chức thực hiện tốt việc tiếp công dân.

Chương X CÔNG TÁC THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 48. Trách nhiệm thông tin, báo cáo

1. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Định kỳ hằng quý, 6 tháng có báo cáo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại trên địa bàn Thành phố và các báo cáo chuyên đề, đột xuất theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và Thường trực Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố; đồng thời, gửi các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp hoặc ủy quyền cho một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo công tác, báo cáo giải trình, trả lời chất vấn trước Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố.

c) Ủy quyền cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo hằng tháng về sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, tình hình nổi bật trong tháng gửi Văn phòng Chính phủ, Thường trực Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức việc cung cấp thông tin phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc thường xuyên của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bao gồm: các vấn đề quan trọng do các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; báo cáo tình hình trong tuần về thông tin nổi bật trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn Thành phố;

b) Phối hợp trao đổi thông tin với Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, tham dự các cuộc giao ban hàng tuần giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố với Thường trực Thành ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố;

c) Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và tổ chức khai thác các thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Giúp Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố biên soạn, tổng hợp các báo cáo định kỳ (quý, 6 tháng, năm, tổng kết nhiệm kỳ); báo cáo chuyên đề; báo cáo đột xuất được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

đ) Tổ chức cập nhật vào mạng tin học của Ủy ban nhân dân Thành phố các báo cáo, thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, thông tin chỉ đạo, điều hành, chương trình công tác, các hoạt động thường ngày của Ủy ban nhân dân Thành phố theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

e) Tổ chức việc điểm báo hằng ngày gửi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xử lý các vấn đề cơ quan báo chí nêu để các cơ quan, địa phương liên quan, theo dõi kiểm tra và báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

g) Hằng tuần (vào ngày thứ Hai), Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm báo cáo tình hình trong tuần cho Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố biết; nếu có tình hình đặc biệt, đột xuất phải báo cáo kịp thời.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Củng cố, tăng cường hệ thống thông tin nội bộ, để giúp lãnh đạo cơ quan nắm được chính xác, kịp thời diễn biến tình hình, công việc chủ yếu diễn ra hằng ngày trong toàn ngành, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách;

b) Gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố các báo cáo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm), báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất và báo cáo hằng tuần. Thời hạn gửi các báo cáo định kỳ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định phù hợp với quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo;

c) Chuẩn bị các báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố trình cơ quan cấp trên theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Thường xuyên trao đổi thông tin với các cơ quan chuyên môn khác, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố và Ủy ban nhân dân quận, huyện về các thông tin có liên quan; thực hiện việc cung cấp thông tin theo chế độ và khi có yêu cầu phối hợp của cơ quan khác.

4. Ngoài các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xây dựng và trình tại phiên họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội hằng quý, 6 tháng và năm;

b) Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp toàn bộ các thông tin phản ánh nổi bật của báo chí, mạng xã hội, dư luận về tình hình có liên quan đến các lĩnh vực chỉ đạo, điều hành của Thành phố, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố qua hệ thống thư điện tử công vụ vào lúc 17 giờ 00 phút hằng ngày;

c) Bộ Tư lệnh Thành phố, Công an Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, dịch bệnh, thiên tai đáng chú ý trên địa bàn Thành phố.

Điều 49. Thông tin về hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn Thành phố đến Nhân dân

1. Trách nhiệm của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Thực hiện chế độ thông tin đến Nhân dân thông qua các báo cáo của Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố, Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố; trả lời các chất vấn, kiến nghị của cử tri, của Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố; trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin đại chúng;

b) Tổ chức họp báo, thường xuyên thông tin đến các cơ quan báo chí và Nhân dân về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và về các cơ chế, chính sách mới ban hành, các văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, và pháp luật của Nhà nước.

2. Trách nhiệm của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Chuẩn bị nội dung và tài liệu cần thiết cho các cuộc họp báo định kỳ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Là người phát ngôn của Ủy ban nhân dân Thành phố, cung cấp thông tin đến các cơ quan thông tin đại chúng về hoạt động của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại của Thành phố theo quy định;

c) Tổ chức công bố, phát hành rộng rãi các văn bản, các quy định, chủ trương do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng và nghĩa vụ của công dân trên địa bàn Thành phố;

d) Chủ trì, phối hợp với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện đẩy mạnh ứng dụng tin học trong công tác thông tin; cập nhật thông tin vào trang thông tin của địa phương trên mạng Internet để đưa tin, tuyên truyền, phổ biến tình hình mọi mặt của địa phương ra cả nước và quốc tế.

3. Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện:

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thông tin đại chúng tiếp cận kịp thời nguồn thông tin chính xác về các sự kiện xảy ra trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình quản lý đối với loại thông tin được phép công bố rộng rãi;

b) Trả lời phỏng vấn của cơ quan thông tin đại chúng hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; đưa tin để cơ quan thông tin đại chúng đăng bài, phát tin tuyên truyền cho công tác của cơ quan, đơn vị; yêu cầu cải chính những nội dung đăng, phát tin sai sự thật;

c) Tăng cường quản lý công tác thông tin, báo chí chuyên ngành; tuyệt đối không để lộ các thông tin có nội dung thuộc danh mục bí mật của Nhà nước;

d) Thông báo công khai về tình hình thu, quản lý và sử dụng các quỹ có huy động đóng góp của Nhân dân.

Điều 50. Truyền thông tin trên mạng tin học

1. Các văn bản sau đây phải được đăng trên mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành;

b) Các văn bản của Nhà nước về chính sách, pháp luật mới, các dự thảo văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố soạn thảo gửi để lấy ý kiến góp ý nội dung văn bản;

c) Các văn bản hành chính, các báo cáo, biểu mẫu và văn bản khác được Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm khai thác và phổ biến những thông tin trên mạng tin học diện rộng của Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật, các báo cáo và các thông tin liên quan để phục vụ có hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Các đơn vị trong mạng tin học của Ủy ban nhân dân Thành phố phải thực hiện chế độ trao đổi thông tin qua mạng tin học diện rộng của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định; thường xuyên theo dõi thông tin trên mạng tin học để kịp thời nhận văn bản chỉ đạo, điều hành và các thông tin do Ủy ban nhân dân Thành phố gửi để quán triệt và thực hiện.

Chương XI
THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN

Điều 51. Theo dõi, đơn đốc kiểm tra việc thực hiện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét khen thưởng theo quy định đối với người đứng đầu cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện nếu thực hiện tốt Quy chế này; xem xét xử lý trách nhiệm cụ thể nếu không thực hiện đúng Quy chế, không hoàn thành nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm thường xuyên đơn đốc, kiểm tra việc thi hành Quy chế này.

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan có liên quan rà soát, kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật./.